

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN
HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
Học kỳ 2, Năm học 2023-2024

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: **Nguyên lý kế toán**

Số tín chỉ: 3

Mã học phần: **71ACCT20023**

Mã nhóm lớp học phần: 232_71ACCT20023_01 -> 14

Thời gian làm bài: **75 phút**

Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận

SV được tham khảo tài liệu:

Có chỉ được sử dụng tài liệu giấy

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

Dự phòng

Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,4,5,6,7,8,9	3	PI2.1
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	40%	Câu 10,11,12,13, 14,15,16,17,18,19,20	4	PI2.1
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI6.1

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71ACCT20023	Mã nhóm lớp học phần: 232_71ACCT20023_01 -> 14
Thời gian làm bài: 75 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> chỉ được sử dụng tài liệu giấy Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/> Dự phòng <input checked="" type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm) bao gồm 20 câu, mỗi câu 0.35 điểm

Câu 1:

Tài khoản nào sau đây được xem là tài khoản tạm thời và thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- A. Các khoản giảm trừ doanh thu
- B. Doanh thu chưa thực hiện
- C. Chi phí trả trước
- D. Lợi nhuận chưa phân phối

ANSWER: A

Câu 2:

Đối tượng nào sau đây sẽ kiểm tra, đánh giá và đảm bảo độ tin cậy của thông tin trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp?

- A. Kiểm toán viên độc lập
- B. Ngân hàng
- C. Nhà đầu tư
- D. Cổ đông

ANSWER: A

Câu 3:

Khoản tiền doanh nghiệp giảm trừ cho khách hàng trong trường hợp khách hàng trả tiền mua hàng trước thời hạn được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí tài chính
- B. Chi phí khác

- C. Chi phí bán hàng
- D. Các khoản giảm trừ doanh thu

ANSWER: A

Câu 4:

Nghiệp vụ nào sau đây không làm biến động tổng giá trị tài sản và tổng giá trị nguồn vốn của doanh nghiệp?

- A. Ghi nhận tiền lương phát sinh tháng này nhưng chưa thanh toán
- B. Vay ngân hàng để mua một tài sản cố định sử dụng cho bộ phận bán hàng
- C. Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền cho người bán
- D. Chuyển khoản thanh toán tiền điện nước đã dùng trong tháng

ANSWER: A

Câu 5:

Nội dung nào sau đây phù hợp với bút toán “Nợ TK 111/Có TK 711”?

- A. Nhận được một khoản tiền mặt từ người bán A bồi thường vì giao hàng trễ hạn
- B. Bán được một lô hàng hóa thu ngay bằng tiền mặt
- C. Nhận được khoản cổ tức bằng tiền mặt từ việc đầu tư chứng khoán
- D. Hoàn thành cung cấp dịch vụ cho khách hàng thu ngay bằng tiền mặt

ANSWER: A

Câu 6:

Nghiệp vụ “Nhận được chuyển khoản từ việc khách hàng trả lãi vay tháng này” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 112/Có TK 515
- B. Nợ TK 112/Có TK 511
- C. Nợ TK 112/Có TK 3387
- D. Nợ TK 112/Có TK 711

ANSWER: A

Câu 7:

Kế toán sẽ ghi bên Có TK “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” khi:

- A. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ > tổng chi phí kinh doanh trong kỳ
- B. Doanh thu bán hàng trong kỳ < giá vốn hàng bán trong kỳ
- C. Doanh thu bán hàng trong kỳ > giá vốn hàng bán trong kỳ
- D. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ < tổng chi phí kinh doanh trong kỳ

ANSWER: A

Câu 8:

Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với tổng các khoản giảm trừ doanh thu là:

- A. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- B. Lợi nhuận gộp
- C. Lợi nhuận ròng sau thuế
- D. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

ANSWER: A

Câu 9:

Sau khi tất cả các bút toán khóa sổ được ghi nhận và chuyển lên sổ Cái thì tài khoản nào sau đây còn số dư?

- A. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- B. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- C. Xác định kết quả kinh doanh
- D. Chi phí khác

ANSWER: A

Câu 10:

Nếu trong kỳ kế toán, tổng tài sản giảm 65.000.000 đồng, tổng nợ phải trả giảm 10.000.000 đồng thì tổng vốn chủ sở hữu thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 55.000.000 đồng
- B. Tăng 75.000.000 đồng
- C. Giảm 75.000.000 đồng
- D. Tăng 55.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11:

Kế toán không được phép ghi vào bên “Có TK 511” trong trường hợp nào sau đây?

- A. Thu toàn bộ tiền bán hàng nhưng hàng vẫn chưa giao cho khách
- B. Đã giao hàng nhưng khách hàng chưa thanh toán tiền
- C. Đã giao hàng và khách hàng đã trả tiền
- D. Hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa thu được tiền

ANSWER: A

Câu 12:

Nghiệp vụ “Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên bán hàng đi mua hàng hóa” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 141/Có TK 111
- B. Nợ TK 641/Có TK 111
- C. Nợ TK 334/Có TK 111
- D. Nợ TK 156/Có TK 111

ANSWER: A

Câu 13:

Nghiệp vụ “Chi tiền mặt thanh toán hóa đơn điện tháng trước tại bộ phận bán hàng” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 331/Có TK 111
- B. Nợ TK 641/Có TK 111
- C. Nợ TK 242/Có TK 111
- D. Nợ TK 811/Có TK 111

ANSWER: A

Câu 14:

Công ty ABC có một xe tải dùng để giao hàng, nguyên giá 480.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 10 năm bắt đầu từ ngày 1/7/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao năm N là:

- | | | | |
|-----------|-----------|------------|------------|
| A. | Nợ TK 641 | 24.000.000 | |
| | Có TK 214 | | 24.000.000 |
| B. | Nợ TK 641 | 48.000.000 | |
| | Có TK 214 | | 48.000.000 |
| C. | Nợ TK 641 | 24.000.000 | |
| | Có TK 242 | | 24.000.000 |
| D. | Nợ TK 641 | 48.000.000 | |
| | Có TK 242 | | 48.000.000 |

ANSWER: A

Câu 15:

Ngày 1/9/N, công ty ABC xuất kho một lô công cụ dụng cụ trị giá 12.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng ra sử dụng tại cửa hàng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

- | | | | |
|-----------|-----------|-----------|-----------|
| A. | Nợ TK 641 | 4.000.000 | |
| | Có TK 242 | | 4.000.000 |

B.	Nợ TK 641	12.000.000	
	Có TK 242		12.000.000
C.	Nợ TK 641	4.000.000	
	Có TK 214		4.000.000
D.	Nợ TK 641	12.000.000	
	Có TK 214		12.000.000

ANSWER: A

Câu 16:

Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ bằng 180.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 230.000.000 đồng. Bút toán khóa sổ TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh” vào cuối kỳ là:

A.	Nợ TK 421	50.000.000	
	Có TK 911		50.000.000
B.	Nợ TK 911	50.000.000	
	Có TK 421		50.000.000
C.	Nợ TK 511	50.000.000	
	Có TK 911		50.000.000
D.	Nợ TK 911	50.000.000	
	Có TK 511		50.000.000

ANSWER: A

Câu 17:

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + **Tổng doanh thu bán hàng: 2.050.000.000 đồng**
- + **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 450.000.000 đồng**
- + **Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.070.000.000 đồng**
- + **Giảm giá hàng bán: 10.000.000 đồng**
- + **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 300.000.000 đồng**
- + **Lãi thu được từ hoạt động đầu tư chứng khoán: 20.000.000 đồng**
- + **Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng**
- + **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 911: 2.115.000.000**
- B. Bên Có TK 911: 2.325.000.000**
- C. Bên Có TK 911: 2.225.000.000**
- D. Bên Có TK 911: 2.150.000.000**

ANSWER: A

Câu 18:

Trong năm N, công ty ABC thanh lý một xe tải giao hàng cũ thu ngay được 275.000.000 đồng bằng chuyển khoản, chi phí tân trang trước khi bán là 15.000.000 đồng, chi phí trả cho bên môi giới 10.000.000 đồng. Nghiệp vụ trên sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 711: 275.000.000
- B. Bên Có TK 711: 260.000.000
- C. Bên Có TK 711: 250.000.000
- D. Bên Có TK 511: 275.000.000

ANSWER: A

Câu 19:

Công ty ABC mua một lô hàng hóa gồm 200 sản phẩm với giá 200.000 đồng/sản phẩm, đã chuyển khoản thanh toán. Chiết khấu được hưởng do mua hàng với số lượng lớn là 2% trên giá mua. Chi phí thu mua thanh toán bằng tiền tạm ứng là 1.000.000 đồng. Vậy đơn giá nhập kho của 1 sản phẩm này là:

- A. 201.000 đồng/sản phẩm
- B. 205.000 đồng/sản phẩm
- C. 208.000 đồng/sản phẩm
- D. 195.000 đồng/sản phẩm

ANSWER: A

Câu 20:

Tại Công ty ABC có số liệu về một loại hàng hóa trong tháng 01/N như sau:

- Hàng tồn kho đầu tháng: 200 sản phẩm, đơn giá 100.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 08/01, mua nhập kho 300 sản phẩm, đơn giá 105.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 17/01, xuất kho bán 400 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 220.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 25/01, mua nhập kho 50 sản phẩm, đơn giá 110.000 đồng/sản phẩm

Biết rằng doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Trị giá của hàng hóa tồn cuối tháng 01/N là:

- A. 16.000.000 đồng
- B. 15.250.000 đồng
- C. 16.700.000 đồng

D. 16.950.000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (3.0 điểm)

Số dư một số tài khoản kế toán vào đầu tháng 12 năm N tại công ty TNHH ABC như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Tiền mặt	120.000.000
Tiền gửi ngân hàng	850.000.000
Hàng hóa	200.000.000 (chi tiết 1.000 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)
Phải trả người lao động	150.000.000 (chi tiết lương tháng 11/N của nhân viên)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

(1) Ngày 4, mua nguyên vật liệu nhập kho trị giá 15.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền cho người bán.

(2) Ngày 10, chuyển khoản thanh toán hết tiền lương tháng 11/N cho nhân viên.

(3) Ngày 15, bán 200 sản phẩm cho công ty XYZ với giá bán 350.000 đồng/sản phẩm, thu ngay ½ bằng tiền gửi ngân hàng. Phần còn lại khách hàng hẹn sẽ thanh toán vào cuối tháng này.

(4) Ngày 28, nhận được hóa đơn dịch vụ Internet tháng này tại văn phòng với số tiền phát sinh 1.500.000 đồng, tiền chưa thanh toán.

(5) Ngày 31, công ty XYZ chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng còn nợ.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 152	15.000.000	
CÓ TK 331	15.000.000	(0.5 điểm)
(2) NỢ TK 334	150.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 112	150.000.000	
(3) NỢ TK 112	35.000.000	
NỢ TK 131	35.000.000	
CÓ TK 511	70.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	40.000.000	
CÓ TK 156	40.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 642	1.500.000	

CÓ TK 331	1.500.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 112	35.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 131	35.000.000	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



Phan Minh Nguyệt

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



Tạ Duy Khánh

ThS. Tạ Duy Khánh

ThS. Huỳnh Đăng Thành